

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: M5/2025/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 30 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước
trong công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh
sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi
Luật số 03/2022/QH15, Luật số 76/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Thanh tra số 84/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 168/2025/NĐ-CP của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

*Căn cứ Nghị định số 216/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một
số điều và hướng dẫn thi hành Luật Thanh tra;*

*Căn cứ Nghị định số 217/2025/NĐ-CP của Chính phủ về hoạt động kiểm
tra chuyên ngành;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính;

*Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định ban hành Quy chế phối hợp
giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác quản lý nhà nước đối với doanh
nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.*

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp giữa các cơ
quan quản lý nhà nước trong công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ
kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2026 và
bãi bỏ toàn bộ, một phần các Quyết định sau:

a) Bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 05/2016/QĐ-UBND ngày 22/3/2016 của
Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang về ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan
chức năng trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập
trên địa bàn tỉnh Hà Giang; Quyết định số 271/QĐ-UBND ngày 11/9/2015 của
Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ
quan chức năng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang trong quản lý nhà nước đối với
doanh nghiệp sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

b) Bãi bỏ số thứ tự 19 Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định số
764/QĐ-UBND ngày 29/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về

việc áp dụng các Quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước sắp xếp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản và quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế, Bộ Tài chính;
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Như Điều 2;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Tuyên Quang;
- UBND xã, phường;
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin và Công báo tỉnh;
- Cơ sở dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KTN 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phan Huy Ngọc

QUY CHẾ

Phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

(Ban hành kèm theo Quyết định số 45/2025/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định mục tiêu, nguyên tắc, nội dung và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 23 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.
2. Các cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc trên địa bàn tỉnh.
3. Ủy ban nhân dân xã, phường.
4. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Cung cấp thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh* là việc cơ quan nhà nước được yêu cầu, trong phạm vi chức năng quản lý của mình và theo quy định của pháp luật, gửi thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh với các nội dung, phạm vi thuộc lĩnh vực quản lý của mình tới cơ quan yêu cầu để phục vụ công tác quản lý nhà nước về doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

2. *Trao đổi thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh* là việc hai hay nhiều cơ quan nhà nước cung cấp thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh thuộc phạm vi quản lý cho nhau một cách liên tục hoặc theo định kỳ.

3. *Công khai thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh* là việc cơ quan nhà nước, căn cứ vào chức năng quản lý và theo quy định của pháp luật, cung cấp, phổ biến thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh một cách rộng rãi, không thu phí.

Điều 4. Mục tiêu phối hợp trong công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập

1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả của quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập tại tỉnh Tuyên Quang theo hướng:

a) Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh;

b) Phân định trách nhiệm giữa các cơ quan trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh;

2. Phát hiện và xử lý kịp thời những doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm pháp luật, ngăn chặn và hạn chế những tác động tiêu cực do doanh nghiệp, hộ kinh doanh gây ra cho xã hội.

3. Góp phần xây dựng môi trường kinh doanh lành mạnh, minh bạch, cạnh tranh bình đẳng, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, hộ kinh doanh phát triển.

Điều 5. Nguyên tắc phối hợp

1. Trách nhiệm quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh phải được phân định rõ ràng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cấp, từng cơ quan quản lý nhà nước cụ thể. Các cơ quan nhà nước quản lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo từng ngành, lĩnh vực, địa bàn hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Việc quản lý nhà nước đối với ngành, nghề kinh doanh có điều kiện thuộc thẩm quyền của cơ quan quản lý chuyên ngành theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

2. Việc trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh phải đảm bảo chính xác, đầy đủ, kịp thời. Yêu cầu trao đổi, cung cấp thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh phải căn cứ vào nhu cầu quản lý nhà nước phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan yêu cầu. Việc sử dụng thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh phải tuân thủ theo quy định của pháp luật.

3. Việc xử lý các trường hợp vi phạm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh có liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực phải được trao đổi, thống nhất giữa các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan, đảm bảo phù hợp, đúng quy định.

4. Không làm phát sinh thủ tục hành chính đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh và tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh hoạt động bình thường.

Điều 6. Nội dung phối hợp

1. Trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

2. Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, theo dõi tình hình hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

3. Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.

4. Xử lý vi phạm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện và điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài và các vi phạm khác.

5. Báo cáo tình hình thực hiện quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập.

Chương II

PHỐI HỢP TRAO ĐỔI, CUNG CẤP, CÔNG KHAI THÔNG TIN DOANH NGHIỆP, HỘ KINH DOANH

Điều 7. Nội dung thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Nội dung thông tin doanh nghiệp

a) Thông tin đăng ký doanh nghiệp, bao gồm: Tên doanh nghiệp; mã số doanh nghiệp; địa chỉ trụ sở chính; ngành, nghề kinh doanh; thông tin về người đại diện theo pháp luật; vốn điều lệ, điều lệ công ty; danh sách thành viên, cổ đông sáng lập, người đại diện theo ủy quyền; thông tin về đơn vị phụ thuộc và địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp, các thông tin đăng ký doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật.

b) Thông tin về tình trạng pháp lý của doanh nghiệp bao gồm các tình trạng: Đang hoạt động; tạm ngừng kinh doanh; không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký; bị thu hồi do cưỡng chế về quản lý thuế; đang làm thủ tục giải thể, bị chia, bị hợp nhất, bị sáp nhập; đang làm thủ tục phá sản; đã giải thể, phá sản, chấm dứt tồn tại.

c) Thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm: Báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính, doanh thu, sản lượng, số lao động, xuất khẩu, nhập khẩu và các thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh khác của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

d) Thông tin về xử lý doanh nghiệp có hành vi kinh doanh vi phạm pháp luật, bao gồm: Kết luận, quyết định và kết quả xử lý của cơ quan có thẩm quyền đối với doanh nghiệp có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về doanh nghiệp, về đầu tư, về quản lý thuế và pháp luật chuyên ngành khác.

2. Nội dung thông tin hộ kinh doanh

a) Thông tin đăng ký hộ kinh doanh, bao gồm: Tên hộ kinh doanh; mã số hộ kinh doanh; địa chỉ trụ sở; ngành, nghề kinh doanh; vốn kinh doanh; họ và tên chủ hộ kinh doanh, các thông tin đăng ký hộ kinh doanh khác theo quy định của pháp luật.

b) Thông tin về tình trạng pháp lý của hộ kinh doanh, bao gồm các tình trạng: Đang hoạt động; tạm ngừng kinh doanh; bị thu hồi do cưỡng chế về quản lý thuế; không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký; đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động; đã chấm dứt hoạt động.

c) Thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của hộ kinh doanh, bao gồm: Báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, doanh thu, sản lượng, số lao động, xuất khẩu, nhập khẩu và các thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh khác của hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật.

d) Thông tin về xử lý hộ kinh doanh có hành vi kinh doanh vi phạm pháp luật, bao gồm: Kết luận, quyết định và kết quả xử lý của cơ quan có thẩm quyền đối với hộ kinh doanh có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về hộ kinh doanh, về đầu tư, về quản lý thuế và pháp luật chuyên ngành khác.

Điều 8. Phối hợp trao đổi, cung cấp, công khai thông tin đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Việc phối hợp trao đổi, cung cấp, công khai thông tin đăng ký doanh nghiệp

a) Sở Tài chính là đầu mối công khai thông tin đăng ký doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

b) Sở Tài chính là đầu mối cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, các cơ quan quản lý nhà nước có thể yêu cầu Sở Tài chính cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp. Hình thức, phương tiện trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp giữa Sở Tài chính với các cơ quan quản lý nhà nước khác được quy định tại Điều 12 Quy chế này và thực hiện theo quy định tại Điều 74 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP.

Trường hợp phát hiện thông tin đăng ký doanh nghiệp do Sở Tài chính cung cấp chưa chính xác hoặc chưa đầy đủ so với tình trạng thực tế của doanh nghiệp, cơ quan chức năng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Sở Tài chính để yêu cầu doanh nghiệp thực hiện đăng ký thay đổi hoặc hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp theo quy định. Sau khi doanh nghiệp đăng ký thay đổi hoặc hiệu đính thông tin, Sở Tài chính có trách nhiệm thông báo kết quả cho cơ quan chức năng có liên quan.

c) Các cơ quan chức năng căn cứ nhiệm vụ theo thẩm quyền có trách nhiệm cung cấp thông tin về doanh nghiệp liên quan đến ngành, lĩnh vực quản lý.

2. Việc phối hợp trao đổi, cung cấp, công khai thông tin đăng ký hộ kinh doanh

a) Ủy ban nhân dân cấp xã là đầu mối công khai thông tin đăng ký hộ kinh doanh trên địa bàn xã, phường. Nội dung thông tin đăng ký hộ kinh doanh công khai gồm:

- Tên, mã số, địa chỉ, tên chủ hộ kinh doanh;
- Tên, mã số, địa chỉ, tên chủ hộ kinh doanh đã hoàn tất thủ tục chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh;

b) Ủy ban nhân dân cấp xã là đầu mối cung cấp thông tin hộ kinh doanh. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ quan chức năng có thể yêu cầu Ủy ban nhân dân cấp xã cung cấp thông tin đăng ký hộ kinh doanh. Hình thức phương tiện, trao đổi, cung cấp, công khai thông tin hộ kinh doanh giữa Ủy ban nhân dân cấp xã với các cơ quan quản lý nhà nước khác được quy định tại Điều 12 Quy chế này.

Trường hợp phát hiện thông tin đăng ký hộ kinh doanh do Ủy ban nhân dân cấp xã cung cấp chưa chính xác hoặc chưa đầy đủ so với tình trạng thực tế của hộ kinh doanh, cơ quan chức năng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân cấp xã để yêu cầu hộ kinh doanh thực hiện đăng ký thay đổi hoặc hiệu đính thông tin đăng ký hộ kinh doanh theo quy định. Sau khi hộ kinh doanh đăng ký thay đổi hoặc hiệu đính thông tin, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thông báo kết quả cho cơ quan chức năng có liên quan.

c) Các cơ quan chức năng căn cứ nhiệm vụ theo thẩm quyền có trách nhiệm cung cấp thông tin về hộ kinh doanh liên quan đến ngành, lĩnh vực quản lý.

Điều 9. Phối hợp trao đổi, cung cấp, công khai thông tin về tình trạng pháp lý của doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Trên cơ sở dữ liệu khai thác từ Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Sở Tài chính là đầu mối cung cấp, công khai thông tin về tình trạng pháp lý của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

2. Cơ quan đăng ký kinh doanh định kỳ đối chiếu thông tin trên Hệ thống Thông tin đăng ký doanh nghiệp Quốc gia với thông tin do cơ quan quản lý thuế cung cấp về tình trạng pháp lý của doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp ngừng hoạt động quá 01 năm mà không thông báo với cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan thuế, cơ quan đăng ký kinh doanh tiến hành gửi thông báo yêu cầu doanh nghiệp báo cáo, ban hành thông báo vi phạm đến doanh nghiệp yêu cầu giải trình để làm căn cứ xử lý, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định; cập nhật tình trạng pháp lý của doanh nghiệp lên Hệ thống Thông tin đăng ký doanh nghiệp Quốc gia.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã là đầu mối cung cấp, công khai thông tin về tình trạng hoạt động của hộ kinh doanh thuộc địa bàn quản lý trên cơ sở khai thác thông tin từ Hệ thống thông tin đăng ký hộ kinh doanh. Trường hợp hộ kinh doanh ngừng hoạt động tại địa chỉ đăng ký quá 06 tháng mà không thông báo với cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã và cơ quan thuế quản lý trực tiếp, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thực hiện quy trình thu hồi theo quy định; cập nhật tình trạng pháp lý của hộ kinh doanh lên Cổng thông tin Quốc gia về đăng ký Hộ kinh doanh.

4. Cơ quan Thuế phối hợp với cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân tỉnh có chức năng cấp mã số thuế cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh; rà soát tình trạng pháp lý của doanh nghiệp, hộ kinh doanh đang hoạt động, doanh nghiệp, hộ kinh doanh bị đóng mã số thuế do không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký, các

doanh nghiệp, hộ kinh doanh được xử lý khôi phục mã số thuế do đã đề nghị hoạt động kinh doanh trở lại để các cơ quan này theo dõi và xử lý theo quy định.

Điều 10. Phối hợp trao đổi, cung cấp, công khai thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Các cơ quan quản lý nhà nước chủ động xây dựng cơ sở dữ liệu doanh nghiệp, hộ kinh doanh trong phạm vi chức năng quản lý được phân công theo quy định; mỗi doanh nghiệp, hộ kinh doanh có một mã số doanh nghiệp duy nhất tồn tại trong suốt quá trình hoạt động của doanh nghiệp và không được sử dụng lại sau khi chấm dứt. Cơ quan quản lý nhà nước sử dụng mã số doanh nghiệp từ Sở Tài chính cung cấp để thuận lợi việc kết nối dữ liệu từ các cơ quan liên quan.

2. Sở Tài chính có trách nhiệm chủ trì phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước xây dựng cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp toàn tỉnh, bao gồm:

a) Thông tin về tình hình hoạt động và nộp thuế của doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo báo cáo tài chính từ cơ quan Thuế;

b) Thông tin về tình hình thuê đất, chấp hành pháp luật về đất đai của doanh nghiệp, hộ kinh doanh từ Sở Nông nghiệp và Môi trường;

c) Thông tin tình hình quản lý và sử dụng lao động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh từ Sở Nội vụ;

d) Thông tin xuất nhập khẩu của doanh nghiệp, hộ kinh doanh từ Sở Công Thương và Hải quan Tuyên Quang;

đ) Thông tin về đăng ký bảo hiểm xã hội của doanh nghiệp, hộ kinh doanh từ Bảo hiểm xã hội tỉnh;

e) Các thông tin khác theo quy định pháp luật.

3. Ban Quản lý các khu công nghiệp và khu kinh tế tỉnh phối hợp, cung cấp, công khai thông tin kịp thời về tình hình sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp hoạt động trong các khu công nghiệp và khu kinh tế trên địa bàn tỉnh. Cung cấp thông tin các doanh nghiệp đã thông báo chấm dứt hoạt động dự án đầu tư, doanh nghiệp bị thu hồi Quyết định chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, để các cơ quan quản lý nhà nước theo dõi và xử lý theo quy định.

4. Các cơ quan quản lý nhà nước căn cứ chức năng, nhiệm vụ theo thẩm quyền có trách nhiệm phối hợp, cung cấp thông tin về tình hình hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh liên quan đến ngành, lĩnh vực quản lý.

5. Các cơ quan quản lý nhà nước thực hiện công khai thông tin nêu tại khoản 2 Điều này theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Điều 11. Phối hợp trong việc công khai thông tin về xử lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm pháp luật

1. Cơ quan đăng ký kinh doanh là đầu mối công khai thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm pháp luật về doanh nghiệp, hộ kinh

doanh. Thông tin công khai bao gồm: tên, mã số, địa chỉ trụ sở chính, tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/Tên, mã số, địa chỉ, tên chủ hộ kinh doanh.

2. Cơ quan Thuế công khai danh sách các doanh nghiệp, đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp và hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh có hành vi vi phạm pháp luật về thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế và theo hướng dẫn của Cục Thuế.

3. Cơ quan quản lý nhà nước khác, ngoài các cơ quan quy định tại khoản 1, 2 Điều này có trách nhiệm công khai doanh nghiệp, đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm, bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và pháp luật chuyên ngành có liên quan.

Điều 12. Hình thức, phương tiện trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Việc trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh giữa các cơ quan quy định tại khoản 1, 3, 4 Điều 2 Quy chế này thực hiện bằng hình thức gửi văn bản bằng bản giấy hoặc qua mạng điện tử. Khuyến khích các cơ quan chức năng ứng dụng công nghệ thông tin để thực hiện trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh qua mạng điện tử.

2. Cơ quan quy định tại khoản 2, Điều 2 Quy chế này thực hiện việc trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo quy định về hình thức, phương tiện của cơ quan quản lý nhà nước Trung ương.

Chương III

PHỐI HỢP TRONG CÔNG TÁC THANH TRA, KIỂM TRA, THEO DÕI TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP, HỘ KINH DOANH; THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP, GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HỘ KINH DOANH; XỬ LÝ VI PHẠM VỀ NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN VÀ ĐIỀU KIỆN TIẾP CẬN THỊ TRƯỜNG ĐỐI VỚI NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI VÀ CÁC VI PHẠM KHÁC

Điều 13. Phối hợp xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra, theo dõi tình hình hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Thanh tra tỉnh rà soát, xây dựng, đưa nội dung thanh tra đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh vào kế hoạch thanh tra hằng năm trên cơ sở căn cứ vào định hướng chương trình thanh tra, hướng dẫn của Thanh tra Chính phủ, yêu cầu của nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và công tác quản lý thuộc phạm vi quản lý của ngành, lĩnh vực và địa phương và đề nghị của các cơ quan quy định tại khoản 1, 2, 3, Điều 2 Quy chế này trong trường hợp vụ việc có nội dung phức tạp, liên quan đến trách nhiệm quản lý của nhiều cấp, nhiều ngành, nhiều lĩnh vực hoặc khi cần thiết.

2. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã khi xây dựng dự thảo kế hoạch kiểm tra, theo dõi tình hình hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo chuyên ngành gửi Thanh tra tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan để phối hợp xử lý chồng chéo, trùng lặp giữa kế hoạch kiểm tra, theo dõi tình hình hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo chuyên ngành với kế hoạch thanh tra, kiểm tra của các cơ quan có thẩm quyền.

3. Thanh tra tỉnh là cơ quan đầu mối tổng hợp, rà soát, xử lý chồng chéo, trùng lặp kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh. Thông báo bằng văn bản tới cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, theo dõi tình hình hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh chuyên ngành khi kế hoạch kiểm tra, theo dõi tình hình hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh có phạm vi, đối tượng chồng chéo, trùng lặp với kế hoạch thanh tra, kiểm tra.

Điều 14. Phối hợp tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, theo dõi tình hình hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Các cơ quan quản lý nhà nước có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, theo dõi tình hình hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

a) Thanh tra tỉnh thực hiện thanh tra, theo dõi tình hình hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh theo kế hoạch đã được ban hành. Trường hợp cần thiết đề nghị Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cử người có chuyên môn phù hợp tham gia Đoàn thanh tra của Thanh tra tỉnh. Kết quả thanh tra phải được gửi cho các cơ quan quản lý nhà nước phối hợp tham gia. Hành vi vi phạm pháp luật của doanh nghiệp, hộ kinh doanh trong từng lĩnh vực được xử lý theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Căn cứ kết luận thanh tra, Thủ trưởng cơ quan thanh tra ra quyết định hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền ra quyết định xử lý theo quy định.

b) Kết luận của đoàn kiểm tra, theo dõi tình hình hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh liên ngành phải được gửi cho tất cả các cơ quan tham gia. Căn cứ báo cáo kết quả kiểm tra, theo dõi tình hình hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, Người ra quyết định kiểm tra, theo dõi tình hình hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh ra quyết định hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

2. Trường hợp trong quá trình chuẩn bị hoặc trong quá trình thanh tra, kiểm tra, theo dõi tình hình hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cơ quan chức năng phát hiện hoặc nhận thấy dấu hiệu doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm pháp luật ngoài phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm thông báo, đề nghị cơ quan có thẩm quyền phối hợp hoặc thực hiện thanh tra, kiểm tra độc lập.

3. Thanh tra tỉnh có trách nhiệm tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh đôn đốc việc thực hiện kế hoạch kiểm tra tình hình hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh của các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh; chủ trì tổng hợp kết quả thực hiện

kế hoạch thanh tra, kiểm tra tình hình hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh của các cơ quan quản lý nhà nước báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Kết quả thanh tra, kiểm tra tình hình hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh doanh nghiệp, hộ kinh doanh phải được công khai theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Phối hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày xác định hành vi vi phạm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo quy định phải thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh, Cơ quan quản lý nhà nước có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Trường hợp nhận được thông tin về hành vi vi phạm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh thuộc trường hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh nếu xét thấy cần thiết phải xác minh thông tin, Cơ quan đăng ký kinh doanh kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân, tổ chức có liên quan. Kết quả xác minh thông tin về hành vi vi phạm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh thuộc trường hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh phải được thể hiện bằng văn bản. Trách nhiệm cụ thể:

a) Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm xác minh việc tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh tại địa bàn quản lý;

b) Công an tỉnh có trách nhiệm xác minh nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh nghi là giả mạo; trả lời bằng văn bản về kết quả xác minh theo đề nghị của cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị; xử lý theo thẩm quyền đối với những trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật;

c) Thuế tỉnh phối hợp xác minh về tình trạng pháp lý của doanh nghiệp, hộ kinh doanh; việc chấp hành quy định về quản lý thuế;

d) Cơ quan chuyên môn khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp xác minh hành vi kinh doanh ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh; vi phạm quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện thuộc phạm vi quản lý theo thẩm quyền;

đ) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm trả lời về kết quả xác minh theo đề nghị của cơ quan đăng ký kinh doanh;

e) Cơ quan, tổ chức quản lý người thành lập doanh nghiệp, hộ kinh doanh thuộc đối tượng bị cấm thành lập doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Nghị định số 168/2025/NĐ-CP có trách nhiệm xác minh lý lịch của người thành lập doanh nghiệp đó.

Điều 16. Phối hợp xử lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh có vi phạm quy định về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện và điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài và các vi phạm khác

1. Trường hợp phát hiện doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm quy định về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện và điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài và các vi phạm khác, các cơ quan quản lý nhà nước quyết định xử phạt theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền quyết định xử phạt theo quy định của pháp luật chuyên ngành, đồng thời yêu cầu doanh nghiệp, hộ kinh doanh thực hiện đúng quy định về điều kiện kinh doanh.

2. Các cơ quan quản lý nhà nước về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh (đối với doanh nghiệp) hoặc cấp xã (đối với hộ kinh doanh) trong các trường hợp sau:

a) Thu hồi, rút, đình chỉ giấy phép kinh doanh, giấy phép hoạt động, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự, hoạt động, chứng chỉ hành nghề hoặc các loại văn bản chứng nhận, chấp thuận khác đã cấp cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hoạt động sản xuất, kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài; Thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh, đã chấp hành xong quyết định xử phạt, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính theo quy định của pháp luật chuyên ngành;

b) Đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh thông báo yêu cầu doanh nghiệp, hộ kinh doanh tạm ngừng, chấm dứt kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài khi không đáp ứng đủ điều kiện theo quy định pháp luật.

3. Khi nhận được thông báo của cơ quan quản lý nhà nước quy định tại khoản 2 Điều này, trong thời hạn 3 ngày cơ quan đăng ký kinh doanh ra Thông báo yêu cầu doanh nghiệp, hộ kinh doanh tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm chỉ đạo phòng chuyên môn theo dõi doanh nghiệp, hộ kinh doanh chấp hành quyết định xử phạt của cơ quan quản lý nhà nước và chấp hành yêu cầu tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của cơ quan đăng ký kinh doanh.

5. Trường hợp doanh nghiệp, hộ kinh doanh tiếp tục kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện khi chưa đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh, Ủy ban nhân dân cấp xã tiến hành xử lý vi phạm theo thẩm quyền và quy định của pháp luật, đồng thời thông báo cho cơ quan chức năng quản lý ngành để xử lý theo quy định.

6. Cơ quan quản lý thuế trực tiếp doanh nghiệp, hộ kinh doanh cùng phối hợp và xử lý theo quy định pháp luật về thuế đối với các nội dung quy định tại Điều này.

Đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh có trụ sở hoạt động trong Khu công nghiệp, khu kinh tế, Ban quản lý các khu công nghiệp và khu kinh tế tỉnh Tuyên Quang có trách nhiệm theo dõi hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh đã bị cơ quan đăng ký kinh doanh ra thông báo yêu cầu tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài nhưng không đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật. Trường hợp các đơn vị đó tiếp tục kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện khi không đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh, Ban quản lý các Khu công nghiệp và khu kinh tế tỉnh thông báo cho cơ quan chức năng quản lý ngành để xử lý theo quy định.

Chương IV

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP, HỘ KINH DOANH SAU ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP

Điều 17. Nội dung, trách nhiệm của các cơ quan trong báo cáo tình hình quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập

1. Nội dung báo cáo gồm:

a) Tình hình thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập.

b) Tình hình thực hiện phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập theo các nội dung quy định tại Điều 6 Quy chế này.

2. Các cơ quan quản lý nhà nước có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tài chính) về tình hình thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập và tình hình thực hiện phối hợp các nội dung quy định tại Điều 6 Quy chế này trước ngày 10 tháng 12 hàng năm.

3. Sở Tài chính tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Tài chính tỉnh hình quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trước ngày 31 tháng 12 hàng năm./.